TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 5 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng N.

2. Ông Huỳnh Văn T.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bùi Thị Diễm C, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp V , xã V , huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: ông Cao Nguyên S, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm P , thị trấn Phú H , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 07/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Diễm C trình bày: sau thời gian tìm hiểu, bà Bùi Thị Diễm C và ông Cao Nguyên S tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà C và ông S sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Cao Tiểu D , sinh ngày 27/6/2003 và Cao Bảo N , sinh ngày 12/12/2007. Tuy nhiên, đến tháng 01 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông S không chung thủy với bà C , từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không có kết quả nên bà C và ông S đã sống ly thân đến nay.

Nhận thấy, không còn tình cảm với ông S nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: bà C yêu cầu được ly hôn với ông Cao Nguyên S .

- Về con chung: có 02 con chung tên Cao Tiểu D , sinh ngày 27/6/2003 (đã trưởng thành) và Cao Bảo N , sinh ngày 12/12/2007. Cháu N đang sống chung với bà C và học hành ổn định nên bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N ; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Cao Nguyên S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên:

+ Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Diễm C và ông Cao Nguyên S .

+ Về quan hệ con chung: giao cháu Cao Bảo N cho bà Bùi Thị Diễm C nuôi dưỡng; ông S không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí: bà C yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Cao Nguyên S có địa chỉ tại thị trấn Phú H , huyện T , tỉnh A

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị Diễm C và ông Cao Nguyên S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn trầm trọng nên bà C yêu cầu ly hôn với ông S .

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 28/02/2023, được đại diện Ban ấp V , xã V , huyện T , tỉnh A cung cấp như sau: ông Cao Nguyên S và bà Bùi Thị Diễm C không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V , huyện T . Ông S và bà C đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng mâu thuẫn gia đình thì địa phương không biết rõ.

Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông S vì giữa bà và ông S không còn tìm cảm với nhau. Xét thấy, mặc dù bà C và ông S chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân này không có giá trị pháp lý.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;..."*.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông S mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà C yêu cầu ly hôn với ông S nhưng giữa hai người không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Diễm C và ông Cao Nguyên S .

[2.2] Về quan hệ con chung: bà C và ông S có 02 con chung tên: Cao Tiểu D , sinh năm 2003 và Cao Bảo N , sinh ngày 12/12/2007. Bà C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N ; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị Cao Tiểu D đã trưởng thành nên không xem xét. Riêng cháu N đang sống chung với bà C và được học hành ổn định. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của cháu N lập ngày 27/3/2023 thì cháu muốn được sống chung với mẹ. Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu N ; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C , giao cháu N cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: bà C xác định không có nợ chung.

[3] Về án phí: bà Bùi Thị Diễm C yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Diễm C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Diễm C và ông Cao Nguyên S .

1.2. Về quan hệ con chung: bà Bùi Thị Diễm C và ông Cao Nguyên S có 02 con chung tên: Cao Tiểu D , sinh ngày 27/6/2003 (đã trưởng thành) và Cao Bảo N , sinh ngày 12/12/2007.

Giao cháu Cao Bảo N cho bà Bùi Thị Diễm C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu N đang sống chung với bà C). Ông Cao Nguyên S không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Bùi Thị Diễm C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Cao Nguyên S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận bà C xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà C và ông S trong thời kỳ hôn nhân thì bà Bùi Thị Diễm C và ông Cao Nguyên S phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị Diễm C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0011503 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (bà C đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H